TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 142/2024/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 15 tháng 04 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Nguyễn Thanh L,** sinh năm: 1981, địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bà **Lê Thị Cẩm N,** sinh năm: 1985, địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Cẩm N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/02/2008, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp. Nay, ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Cẩm N thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Cẩm N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Trúc P, sinh ngày 16/10/2008 và Nguyễn Lê Trúc V, sinh ngày 08/04/2010. Sau khi ly hôn hai bên thống nhất, ông L là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông L không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Cẩm N phải nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Ông L tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Cẩm N thuận tình ly hôn. Ghi nhận ông L và bà N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Trúc P, sinh ngày 16/10/2008 và Nguyễn Lê Trúc V, sinh ngày 08/04/2010. Sau khi ly hôn, ông L là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ghi nhận ông L không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- *Về nợ chung:* Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị Cẩm N phải nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Ông L tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí ông L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000311 ngày 01/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông L, bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *UBND xã Tân Thạch;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Phan Thị Mỹ Hạnh